TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Toàn – Bà Hồ Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 557/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 533/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng X, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Số B H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Số D Bis khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Hồng X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 19/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường vắng nhà, không chí thú làm ăn, bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời

gian sống ly thân cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà X yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Xuân A, sinh ngày 06/8/2017 hiện do bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Bà X yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Ngọc T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà X. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hồng X được ly hôn ông Lê Ngọc T.

- Về con chung: Bà X được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Xuân A, sinh ngày 06/8/2017. Bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề xuất giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, bà X không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Ngọc T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T và bà X tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà X trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường vắng nhà, không chí thú làm ăn, bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không sửa đổi, nên bà và ông T sống ly thân từ đó đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà X yêu cầu ly hôn ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường M, thành phố L ngày 13/10/2023 thể hiện: Đương sự Lê Ngọc T, sinh năm 1998 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số D B khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông T vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà X cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của bà X là ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà X và ông T không quan tâm, không có biện pháp hòa giải để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông T tiếp tục vắng mặt là không có thiện chí đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Xuân A, sinh ngày 06/8/2017 hiện đang sống cùng bà X. Bà X yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân con chung do bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung ông T bà X, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà X là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà X phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Xuân nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà X được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được từ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Hồng X được ly hôn ông Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Ông T và bà X có 01 (một) con chung tên Lê Xuân A, sinh ngày 06/8/2017.

Bà X được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà X không yêu cầu.

Bà X phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà X trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà X được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Hồng X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002492, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà X đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Bà X có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.